TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 05/2018/KDTM-PT
Ngày: 24 - 7 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà
Các Thẩm phán: Ông Chung Văn Kết
Bà Châu Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trung Biển - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2018/TLPT-KDTM ngày 26 tháng 6 năm 2018 về việc "*Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh*".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 08/2018/KDTM-ST ngày 22/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Anh Phan Hoàng Đ, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Số 09, Liên kế 06, đường M, phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần tập đoàn M.

Địa chỉ: Số 64 – 68, đường H, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1981 – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Công ty cổ phần tập đoàn M tại C; Địa chỉ: Số 405B, đường L, khóm 5, phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau theo văn bản uỷ quyền số: 170/GUQ-CTHĐQT ngày 31/10/2017 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Phan Hoàng Đ trình bày:

Ngày 09/02/2015, anh Phan Hoàng Đ cùng Công ty cổ phần tập đoàn M chi nhánh C (gọi tắt là Công ty) thỏa thuận ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số: 01/2015/HĐ-HTKD. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, anh Đ đồng ý dùng tài sản là xe ô tô 04 chỗ mang biển số kiểm soát 69A-016.59 do anh đứng tên chủ sở hữu để hợp tác với Công ty kinh doanh trong lĩnh vực chạy taxi, lợi nhuận chia cho nhà đầu tư theo thực tế kinh doanh, thời hạn hợp tác 04 năm đến ngày 09/02/2019 hết hạn hợp đồng và ký hợp đồng thuê xe ngày 18/6/2015 với thời hạn 02 năm. Quá trình hợp tác, Công ty có nhiều vấn đề trong công tác quản lý xe như để xe nằm

xưởng không có lý do, tài xế thay đổi thường xuyên và việc kinh doanh không hiệu quả nên khi hợp đồng thuê xe hết thời hạn, Công ty có đề nghị anh ký lại hợp đồng thuê để gia hạn phù hiệu taxi nhưng anh không đồng ý, hiện hợp đồng thuê xe giữa các bên không tranh chấp. Đến ngày 23/5/2017, anh làm đơn gửi Công ty đề nghị chấm dứt hợp đồng hợp tác và rút tài sản là xe ô tô trên ra thì Công ty đồng ý thanh lý cho anh rút xe ra ngày 26/6/2017 nhưng Công ty lại yêu cầu bồi thường tiền thuê đồng hồ, máy bộ đàm là 7.033.332 đồng, tiền thương hiệu là 18.000.000 đồng vì cho rằng anh đơn phương chấm dứt hợp đồng. Tổng các khoản Công ty yêu cầu là 25.033.332 đồng, anh không đồng ý bởi các lý do sau: Công ty kinh doanh không hiệu quả; phù hiệu taxi đã hết hạn ngay khi hết hạn hợp đồng thuê xe và tại thời điểm ký hợp đồng hợp tác, anh không có chức năng kinh doanh vận tải.

Anh Đ yêu cầu Tòa án tuyên bố chấm dứt hợp đồng hợp tác số: 01/2015/HĐ-KD ngày 09/02/2015 với Công ty mà không phải hủy hợp đồng và buộc Công ty trả lại cho anh số tiền 23.669.156 đồng hiện Công ty còn giữ theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 21/6/2017.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Công ty thừa nhận thời gian ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh, ký kết hợp đồng thuê xe, thời gian đối chiếu công nợ và thời gian nhận lại xe ô tô mang biển số kiểm soát 69A-016.59, anh Đ trình bày là đúng. Hiện Công ty không tranh chấp, không có yêu cầu gì đối với hợp đồng thuê xe ngày 18/6/2015. Thực tế, giữa Công ty với anh Đ đã chấm dứt hợp đồng hợp tác vào ngày 21/6/2017 nhưng chưa thanh lý hợp đồng do anh Đ chỉ thống nhất số tiền Công ty phải trả cho anh là 23.669.156 đồng mà không đồng ý bồi hoàn cho Công ty tiền thương hiệu là 18.000.000 đồng và tiền thuê đồng hồ, máy bộ đàm là 7.033.332 đồng bởi căn cứ vào Điều 12 của hợp đồng hợp tác kinh doanh thì việc anh Đ yêu cầu rút xe trước hạn đã vi phạm Điều 4 của Hợp đồng – Đây là lỗi của anh Đ, không phải lỗi của Công ty nên anh Đ phải có trách nhiệm bồi hoàn số tiền trên. Lẽ ra, anh Đ phải bồi hoàn các khoản trên đến hết thời hạn hợp tác là 04 năm với số tiền 58.000.000 đồng nhưng do việc kinh doanh không có hiệu quả nên Công ty đã xem xét hỗ trợ giảm cho anh Đ 50% số tiền bồi hoàn (chỉ tính thời hạn thực tế các bên tham gia hợp tác là 02 năm 04 tháng 04 ngày). Tại tòa, Công ty không đồng ý với các lý do anh Đ nêu nhưng đồng ý chấm dứt hợp đồng hợp tác số: 01/2015/HĐ-HTKD ngày 09/02/2015 và trả cho anh Đ số tiền theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 21/6/2017 là 23.669.156 đồng. Đồng thời, yêu cầu anh Đ phải bồi hoàn lại cho Công ty số tiền 25.033.332 đồng. Ngoài ra, Công ty không yêu cầu anh Đ bồi thường hay hoàn trả thêm khoản nào khác.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2018/KDTM-ST ngày 22/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C quyết định:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 504, 510, 512 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh số: 01/2015/HĐ-HTKD ngày 09/02/2015 giữa anh Phan Hoàng Đ và Công ty cổ phần tập đoàn M chi nhánh tại C.

Buộc Công ty cổ phần tập đoàn M hoàn trả cho anh Phan Hoàng Đ số tiền 23.669.156đ (hai mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn một trăm năm mươi sáu đồng).

Và anh Phan Hoàng Đ có trách nhiệm bồi thường cho Công ty cổ phần tập đoàn M số tiền 25.033.332đ (hai mươi lăm triệu không trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi hai đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch về kinh doanh thương mại.

- Công ty cổ phần tập đoàn M phải nộp số tiền 1.183.000 đồng (một triệu một trăm tám mươi ba nghìn đồng –chưa nộp).

- Anh Phan Hoàng Đ phải nộp số tiền 1.251.000 đồng. Ngày 29/9/2017, anh Đ đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0003706 được đối trừ, anh Đ còn phải nộp tiếp số tiền là 951.000 đồng (chín trăm năm mươi mốt nghìn đồng – chưa nộp).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/6/2018 anh Phan Hoàng Đ kháng cáo yêu cầu chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh.

Ngày 13/6/2018 Viện kiểm sát nhân dân thành phố C kháng nghị với nội dung buộc anh Phan Hoàng Đ và Công ty cổ phần tập đoàn M mỗi bên phải chịu án phí là 3.000.000 đồng.

Tại phiên tòa anh Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau rút một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C đối với nội dung không buộc anh Đ phải chịu án phí sơ thẩm.

Anh Đ tranh luận: Việc chấm dứt hợp đồng không phải do lỗi của anh, lỗi từ phía Công ty, quá trình hoạt động Công ty tự động tăng các loại phí cao hơn so với hợp đồng hai bên đã giao kết, Công ty hoạt động không có lợi nhuận, trong hợp đồng không có ghi rõ tiền chi phí đối với tiền thuê đồng hồ. Tiền mua xe là do anh vay Ngân hàng, xe dùng để đầu tư kinh doanh, nay không thu được lợi nhuận còn phải buộc anh phải chịu trả thêm tiền cho Công ty là thiệt thòi cho anh.

Phía Công ty tranh luận: Công ty không tự động tăng phí, vẫn thực hiện đúng theo hợp đồng, thời gian hợp tác anh Đ cũng không có ý kiến việc Công ty thu phí là không đúng với hợp đồng. Quá trình giải quyết tranh chấp anh Đ cho rằng Công ty hoạt động không có hiệu quả nên anh Đ yêu cầu nhận lại xe, anh Đ nhận lại xe thì anh Đ phải thanh toán chi phí trong thời gian xe của anh Đ hoạt động. Nếu theo hợp đồng giao kết thì anh Đ đã vi phạm hợp đồng và phải bồi thường cho Công ty.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố C, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phan Hoàng Đ, đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C về việc buộc anh Đ phải chịu án phí sơ thẩm, chấp nhận một phần kháng nghị, buộc Công ty phải chịu án phí sơ thẩm. Buộc Công ty phải thanh toán cho anh Đ số tiền 23.669.156 đồng. Lý do sửa án là khi anh Đ khởi kiện yêu cầu chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh và Công ty phải trả lại cho anh Đ số tiền 23.669.156 đồng thì phía Công ty không có yêu cầu phản tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa anh Đ trình bày: Việc chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh phía anh không có lỗi, mặc dù khi ký hợp đồng là tự nguyện, nhưng khi kinh doanh phía Công ty hoạt động không có hiệu quả, thua lỗ, Công ty có lỗi do Công ty tự động tăng các loại phí nên anh có quyền chấm dứt hợp đồng. Anh Đ cũng thừa nhận thời gian thực hiện hợp đồng thì anh không có ý kiến về việc Công ty tính các loại phí, đến giai đoạn phúc thẩm thì anh mới xem xét tính lại và phát hiện Công ty tính các loại phí cao hơn so với hợp đồng đã thỏa thuận. Như vậy, anh Đ vẫn khẳng định việc anh không tiếp tục thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2015/HĐ-HTKD ngày 09/02/2015 là không có lỗi.

[2] Cả hai bên đương sự thống nhất không tranh chấp nội dung hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2015/HĐ-HTKD ngày 09/02/2015, anh Đ yêu cầu được chấm dứt hợp đồng. Do đó, anh Đ muốn chấm dứt hợp đồng thì phải xem xét nghĩa vụ của mình, tuy nhiên do không thống nhất được việc đối trừ nghĩa vụ của cả hai bên nên mới phát sinh tranh chấp. Phía Công ty thừa nhận phải trả cho anh Đ số tiền là 23.669.156 đồng nhưng anh Đ phải thanh toán lại cho Công ty số tiền 25.033.332 đồng thì mới chấm dứt được hợp đồng. Anh Đ yêu cầu Công ty phải trả tiền cho anh xuất phát từ hợp đồng hợp tác kinh doanh. Hợp đồng hiện nay không tranh chấp nhưng để chấm dứt hợp đồng thì phải xem xét các điều kiện hợp đồng và số tiền của anh Đ do Công ty giữ lại cũng xuất phát từ hợp đồng, số tiền anh Đ phải thanh toán lại cho Công ty cũng xuất phát từ hợp đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu của anh Đ căn cứ vào sự thỏa thuận của cả hai bên.

[3] Anh Đ hợp tác đầu tư kinh doanh với Công ty nên mới có việc anh Đ sử dụng thương hiệu của Công ty và trang thiết bị như đồng hồ, máy bộ đàm để kinh doanh và thu lợi nhuận. Khi chấm dứt hợp đồng thì anh Đ phải thanh toán lại phí thương hiệu và phí sử dụng đồng hồ tính tiền, máy bộ đàm trên xe từ thời gian ký hợp đồng đến thời gian chấm dứt hợp đồng, thời gian kinh doanh thì anh Đ cũng đã nhận lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác kinh doanh, mặc dù lợi nhuận không như mong muốn của anh Đ. Hợp đồng hợp tác kinh doanh không có lợi nhuận không phải do lỗi từ phía Công ty, thời gian của hợp đồng là 04 năm, tuy nhiên do kinh doanh không có hiệu quả, anh Đ yêu cầu chấm dứt hợp đồng, phía Công ty cũng đồng ý nhưng với điều kiện anh Đ phải thanh toán các chi phí cho Công ty từ khi hợp tác đến khi chấm dứt hợp đồng, đối chiếu số nợ thì anh Đ còn nợ lại Công ty.

Do đó, để xem xét chấm dứt hợp đồng thì anh Đ phải thực hiện nghĩa vụ với Công ty nên không chấp nhận lời tranh luận của anh Đ.

[4] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau về nội dung chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C về việc tuyên buộc anh Đ không phải chịu án phí sơ thẩm là 3.000.000 đồng và chấp nhận kháng cáo của anh Đ vì khi anh Đ khởi kiện thì Công ty không phản tố yêu cầu anh Đ phải thanh toán tiền cho Công ty. Xét đề nghị của Viện kiểm sát thấy rằng, khi anh Đ khởi kiện thì phía Công ty có ý kiến nếu anh Đ muốn chấm dứt hợp đồng và không phải bồi thường do vi phạm hợp đồng thì anh Đ phải thanh toán các chi phí liên quan từ khi giao kết hợp đồng đến ngày anh Đ đề nghị chấm dứt hợp đồng vì thời gian này anh Đ đã sử dụng thương hiệu và các thiết bị để thu lợi nhuận, Công ty không khởi kiện anh Đ vi phạm hợp đồng nên Công ty không phản tố là đúng. Do đó, không chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau.

[5] Liên quan đến án phí sơ thẩm, Bản án sơ thẩm tuyên buộc Công ty phải thanh toán cho anh Đ số tiền là 23.669.156 đồng và anh Đ phải thanh toán cho Công ty số tiền là 25.033.332 đồng là chưa phù hợp, chưa đúng với bản chất tranh chấp giữa hai bên. Trong trường hợp này bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của anh Đ chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh và phải đối trừ nghĩa vụ của cả hai bên khi chấm dứt hợp đồng, cụ thể anh Đ phải thanh toán cho Công ty là 25.033.332 đồng, Công ty phải thanh toán cho anh Đ 23.669.156 đồng. Như vậy nghĩa vụ của anh Đ khi chấm dứt hợp đồng với Công ty là phải thanh toán cho Công ty số tiền 1.364.176 đồng thì anh Đ phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, do sửa án nên chấp nhận một phần kháng cáo của anh Đ, anh Đ không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Phan Hoàng Đ.

Không chấp nhận một phần kháng nghị số 02 ngày 13/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C về việc buộc anh Phan Hoàng Đ phải chịu án phí sơ thẩm kinh doanh thương mại là 3.000.000 đồng.

Sửa bản án sơ thẩm số 08/2018/KDTM-ST ngày 22/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 504, 510, 512 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phan Hoàng Đ.

Chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh số: 01/2015/HĐ-HTKD ngày 09/02/2015 giữa anh Phan Hoàng Đ và Công ty cổ phần tập đoàn M chi nhánh tại C.

Buộc anh Phan Hoàng Đ hoàn trả lại cho Công ty cổ phần tập đoàn M số tiền 1.364.176 đồng (Một triệu ba trăm sáu mươi bốn ngàn một trăm bảy mươi sáu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành không thanh toán xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch: Anh Phan Hoàng Đ phải nộp số tiền 3.000.000 đồng. Ngày 29/9/2017 anh Đ đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0003706 được đối trừ, anh Đ còn phải nộp tiếp số tiền là 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm ngàn đồng).

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Anh Phan Hoàng Đ không phải chịu. Anh Đ đã dự nộp 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000900 ngày 11/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hoàng Thị Hải Hà